**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**Quý 3.2021**

*Qũy Đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc*

1. **Thông tin chung về Quỹ**
2. **Mục tiêu của Quỹ**

Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam (“Quỹ”) nhận giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 91/GCN-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2017. Thời gian phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng từ 18/01/2018 và kết thúc vào ngày 08/02/2018.

Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 31/GCN-UBCK ngày 02 tháng 03 năm 2018.

Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đổi tên thành Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc số 05/GCN-UBCK ngày 02 tháng 12 năm 2019.

1. **Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là **+163.05%** so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo tại ngày 30 tháng 09 năm 2020. Thay đổi NAV/ccq cùng kỳ là **+74.87%**

1. **Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Chiến lược đầu tư của Quỹ kết hợp linh hoạt chiến lược đầu tư giá trị với đầu tư tăng trưởng. Quỹ sẽ theo đuổi chiến lược đầu tư dài hạn, tập trung phân tích các yếu tố cơ bản và giá trị doanh nghiệp.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty hiện đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam có vốn hóa trung bình và lớn ở tất cả ngành nghề. Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội đầu tư đến từ xu hướng tăng trưởng dài hạn của cơ cấu dân số, quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế sang tư nhân và cổ phần hóa, và sự cải thiện về quản trị doanh nghiệp và quy định pháp lý minh bạch theo chuẩn mực quốc tế. Danh mục chứng khoán của quỹ có thể nắm tỷ lệ tập trung tại một số công ty ở một vài ngành nghề cụ thể.

Quỹ VFMVSF được phép đầu tư vào các loại tài sản như sau: Tiền gửi tại ngân hàng thương mại, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu chính phủ, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết của các doanh nghiệp, chứng khoán phái sinh niêm yết và các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.

1. **Phân loại Quỹ**

Quỹ công chúng dạng mở.

1. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1. **Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Cao

1. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 2 tháng 3 năm 2018.

1. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 368,795,914.23 và giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ là 13,475.39 Đồng Việt Nam, giá trị tài sản ròng của quỹ là 4,969,668,934,340 Đồng Việt Nam.

1. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

1. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

1. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi thành lập cho đến ngày 30 tháng 09 năm 2021.

1. **Số liệu hoạt động**
2. **Cơ cấu tài sản quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | 30/09/2021 | 30/06/2020 | 30/06/2019 |
|  |  |  |  |
| Danh mục chứng khoán | 94.91% | 94.68% | 98.61% |
| Tài sản khác | 5.09% | 5.32% | 1.39% |
|  |  |   |   |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** | **100.00%** |

1. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 30/09/2021 | 30/09/2020 | 30/09/2019 |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 4,969,668,934,340 | 1,889,181,636,469 | 54,700,981,033 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 368,795,914.23 | 245,153,360.01 | 6,384,601.58 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) | 13,475.39 | 7,706.12 | 8,567.64 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 13,716.55 | 7,706.12 | 8,567.64 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 12,810.07 | 6,621.47 | 7,926.73 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | -3.86% | 12.12% | 8.84% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | -10.29% | 11.52% | 9.30% |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 6.44% | 0.60% | -0.46% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A | N/A | N/A |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1.41% | 1.83% | 3.60% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 191.10% | 303.81% | 1.84% |

1. **Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQhàng năm (%)** |
| 1 năm | 74.87 | 74.87 |
| 3 năm | 53.12 | 15.26 |
| Từ khi thành lập | 34.75 | 8.71 |

1. **Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | 30/09/2021 | 30/09/2020 | 30/09/2019 | 30/09/2018 |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 74.87% | -10.06% | -2.65% | N/A |

1. **Mô tả thị trường trong kỳ**

VNINDEX tăng 0.8% trong tháng 9 và đóng cửa ở mức 1,342 điểm. Thanh khoản cả thị trường thấp hơn so với tháng trước giá trị giao dịch bình quân hằng ngày giảm lần lượt 9% và 7% còn 928 triệu USD trên HOSE và 1,172 triệu USD trên cả 3 sàn.

Những điểm chính của thị trường trong quý 3:

i. Khối ngoại vẫn bán ròng; nhóm cổ phiếu bất động sản, ngân hàng và chứng khoán giảm giá;

ii. Các cổ phiếu “hàng hóa”, dịch vụ bán lẻ và vốn hóa nhỏ tăng giá tốt;

iii. Thị trường hướng kỳ vọng sang quý 4 khi giãn cách được nới lỏng, duy trì xu hướng tích lũy.

1. **Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**
2. **Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
|  |  |  |  |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 21.40% | 27.04% | 29.80% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | -25.26% | 48.01% | 4.95% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | -3.86% | 75.06% | 34.75% |
| Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (\*) | N/A | N/A | N/A |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (\*\*) | N/A | N/A | N/A |
|  |   |   |   |

(\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu

(\*\*) Quỹ không có giá trị thị trường



● Thay đổi giá trị tài sản ròng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/09/2021** | **30/09/2020** | **Tỷ lệ thay đổi** |
|  | **(1)** | **(2)** | **3=((1)-(2))/(2)** |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 4,969,668,934,340 | 1,889,181,636,469 | 163.06% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ |  13,475.39  |  7,706.12  | 74.87% |

Trong giai đoạn 30/09/2020 – 30/09/2021, giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ tăng 74.87% nhờ lợi nhuận từ danh mục đầu tư của quỹ. Ngoài ra, nhờ vào nguồn vốn lớn từ nhà đầu tư, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 163.1% trong cùng kỳ.

**Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
|  |  |  |  |
| Dưới 5.000 | 13 | 34,500.00 | 0.01% |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 2 | 13,500.00 | 0.00% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 2 | 62,000.00 | 0.02% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 1 | 130,000.00 | 0.04% |
| Trên 500.000 | 3 | 368,555,914.23 | 99.93% |
|  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | 21 | 368,795,914.23 | 100.00% |

1. **Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của Công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

1. **Thông tin về triển vọng thị trường**

 GDP của Việt Nam giảm 6.2% vào quý 3 nhưng vẫn tăng trưởng dương ở mức 1.42% trong 9 tháng đầu năm. Trong đó 2 ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất là sản xuất và dịch vụ đều ghi nhận giảm ở mức tương ứng -9.3% và -5% so với cùng kỳ. Nông lâm ngư nghiệp là ngành duy nhất giữ được mức tăng trưởng dương trong quý 3, ở mức +1.0%. Nền kinh tế đã có những tín hiệu phục hồi, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5% so với tháng Tám trong khi chỉ số PMI dường như đã tạo đáy tại mức 40.2 bằng với tháng trước. Cán cân thanh toán của tháng đã chuyển thành thặng dư 0.5 tỷ USD và thu hẹp mức thâm hụt 9 tháng về còn 2.1 tỷ USD, khi xuất khẩu có giảm 0.8%, đạt 27 tỷ USD, nhưng nhập khẩu thu hẹp 3.9%, đạt 26.5 tỷ USD. Các hoạt động khác cũng đang dần trở lại với tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 6.5% so với tháng trước tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển trong nước tăng 26% nhờ vào việc lược bỏ bớt các thủ tục hành chính khi di chuyển giữa các thành phố. Năm 2020 khi áp dụng chính sách zero-COVID, cả hai ngành dịch vụ và sản xuất đều phục hồi mạnh mẽ ngay sau khi dịch bệnh được kiểm soát. Lần này, khi xoay trục về chiến lược “Sống chung với COVID”, ngành sản xuất là ngành được kỳ vọng sẽ dẫn dắt sự phục hồi kinh tế những tháng cuối năm với nhiều đơn hàng quốc tế dồn lại trong thời gian giãn cách.

**Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ như sau:

|  | **Tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhân sự điều hành Quỹ  | Lương Thị Mỹ Hạnh | Giám đốc quản lý tài sản , khối trong nước | Thạc sỹ Kinh tế | -Từ 2010 đến 12/03/2021: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.-Từ 12/03/2021 đến nay là Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| Trần Lê Minh | Giám đốc chi nhánh Hà Nội | Thạc sĩ Quản trị Tài chính | Từ 2011 đến 12/03/2021: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.-Từ 12/03/2021 đến nay Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam  |
| Ban đại diện Quỹ | Trần Đắc Sinh | Chủ tịch | Tiến sỹ kinh tế | 1997-1999: Vụ trưởng UBCKNN1999-2016: Tổng giám đốc/ Chủ tịch Sở giao dịch chứng khoán TPHCM |
| Vương Thị Hoàng Yến | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | 8/2004-11/2007: kế toán trưởng công ty TNHH Minh Thắng12/2007 – 4/2012:Kiểm toán viên, trưởng phòng kiểm toán công ty kiểm toán AS.9/2012-5/2013: Kiểm toán viên, giám đốc kiểm toán công ty Hợp danh kiểm toán FATừ 2013 đến 2019: Kiểm toán viên, giám đốc kiểm toán công ty kiểm toán Đại Tín.Từ 2019 đến nay: Giám đốc nghiệp vụ Công ty TNHH Kiểm toán Chuẩn Vàng |
| Nguyễn Hoàng Khánh | Thành viên | Cử nhân luậtLuật sư | 2015-2018- luật sư tại chi nhánh công ty luật Allens tại Tp.HCM2018 – nay: luật sư tại Văn phòng đại diện Dragon Capital Management (HK) Limited |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Beat Schurch | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ Kinh tế | Từ 30/12/2020 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Ông **NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH**

*Giám đốc điều hành nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư*